

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2021
V/v “Tranh chấp không
công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm 5, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm 5, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều M trình bày: Vào năm 1998, bà M và ông Nguyễn Hải S quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có tổ chức lễ cưới và

không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng bà M sống hạnh phúc nhưng từ năm 2010 cả hai đã ly thân do bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Sơn.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Thành L sinh ngày 06/9/1998 và Nguyễn Thành S sinh ngày 15/4/2002. Do cháu L và cháu S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 13/11/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Hải S trình bày:* Ông và bà M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông S đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M, đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà M.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thành L sinh ngày 06/9/1998 và Nguyễn Thành S sinh ngày 15/4/2002. Do cháu L và cháu S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà M yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Hải S. Do 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Hải S đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng theo yêu cầu khởi kiện của bà M. Do 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” do bị đơn Nguyễn Hải S đang sinh sống tại phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Hải S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 mà đến nay không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa hôm nay, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Sơn. Ông S đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Hải S.

[2.2.] Về nuôi con chung: Bà M và ông S chung sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thành L sinh ngày 06/9/1998 và Nguyễn Thành S sinh ngày 15/4/2002. Do cháu L và cháu S đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều M.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Hải S.

2. Về nuôi con chung: Bà M và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thành L sinh ngày 06/9/1998 và Nguyễn Thành S sinh ngày 15/4/2002 đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Hải S không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010498 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà M đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Hải S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đường sự: 02;
- Ủy ban nhân dân phường Thành Phước: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Thúy Quỳnh